

Số: 2215 /HD-SNN

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 12 năm 2007

HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ

Căn cứ Quyết định số 1405/QĐ-TTg ngày 16/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện ấp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm; Thông tư số 92/2007/TT-BNN ngày 19/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện một số điều tại Quyết định số 1405/QĐ-TTg ngày 16/10/2007 của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện ấp trứng gia cầm và chăn nuôi thủy cầm;

Căn cứ Sổ tay chăn nuôi gà gia đình của Nhà xuất bản Nông nghiệp năm 1993;

Căn cứ tài liệu Kỹ thuật chăn nuôi gà trong nông hộ của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia xuất bản năm 2007;

Căn cứ Sổ tay chăn nuôi gia cầm bền vững của Hiệp hội chăn nuôi gia cầm Việt Nam xuất bản năm 2007;

Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà như sau:

PHẦN I. GIỚI THIỆU GIỐNG GÀ VÀ KỸ THUẬT CHỌN GIỐNG

I. GIỚI THIỆU MỘT SỐ GIỐNG GÀ

1. Các giống gà chủ yếu của Việt Nam

- Giống gà Ri: Được chọn lọc và thuần hoá từ gà rừng, gà mái lông nhiều màu, phổ biến là màu vàng nhạt (vàng rơm) có điểm đốm đen ở cổ, cánh và đuôi. Gà trống lông sặc sỡ, phổ biến nhất là màu vàng đậm và đỏ tía; ở cổ, cánh, ngực và đuôi có các điểm lông màu xanh đen. Mào gà phổ biến là mào cờ, có nhiều răng cưa. Chân và da có màu vàng nhạt. Khối lượng trưởng thành: gà trống 1,7 kg; gà mái 1,2 - 1,3 kg. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 135 - 140 ngày tuổi (18 - 20 tuần tuổi); sản lượng trứng 90 - 125 quả/mái/năm.

- Giống gà Mía: Nguồn gốc từ xã Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Tây, gà mái lông màu lá chuối khô, thân dài, ngực rộng nhưng không sâu, có yếm ở ngực, mào cờ có răng cưa; gà trống lông màu mật, cổ dài, mào cờ ngả, tích tai to, dài, màu đỏ tươi. Khối lượng trưởng thành: gà trống 3,5 - 4,0 kg; gà mái: 2,5 - 3,0 kg. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 180 - 200 ngày tuổi (26 - 28 tuần tuổi); sản lượng trứng 60 - 65 quả/mái/năm.

- Giống gà Đông Tảo: Nguồn gốc từ xã Đông Tảo, Khoái Châu, Hưng Yên. Gà mái lông màu đất sét, mào nụ màu đỏ; Gà trống lông màu đen bóng pha lẫn nâu thẫm, đầu, cổ to ngắn, ngực sâu rộng, thân hình vuông; vùng ngực và bụng ít lông, da dày màu đỏ, đặc biệt chân rất to, có 3 hàng vảy xù xì màu đỏ nhạt, đi lại chậm chạp. Khối lượng trưởng thành: gà trống 4,0 - 4,5 kg; gà mái 3,0 - 3,5 kg. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 200 - 215 ngày tuổi (28 - 30 tuần tuổi); sản lượng trứng 50 - 60 quả/mái/năm.

- Giống gà Hồ: Nguồn gốc ở Làng Lạc Hồ, thị trấn Hồ, Thuận Thành, Bắc Ninh, gà mái lông màu trắng đục, đuôi có lông đen, tầm vóc to cân đối; mào nụ; gà trống lông màu mận chín có 3 màu lông điển hình: Sắc tía xanh ở cổ và lưng, xanh

và đen xen kẽ ở lưng và màu mận chín; đầu to và thô, mào nụ; ngực nở, lườn dài, bụng ít lông, da đỏ; chân cao và to có 4 hàng vảy màu đỏ nhạt, thân hình to, dáng đi nặng nề. Khối lượng trưởng thành: gà trống 4,0 - 4,5 kg; gà mái 3,0 - 3,5 kg. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 200 - 210 ngày tuổi (28 - 30 tuần tuổi); sản lượng trứng 50 - 60 quả/mái/năm.

2. Các giống gà nhập nội

a) Giống gà chuyên trứng

- Gà Leghorn: Nguồn gốc từ nước Italia, lông màu trắng, mào đơn rất phát triển. Khối lượng: gà trống 2,2 - 2,5 kg; gà mái 1,6 - 1,8 kg. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 140 ngày tuổi. Sản lượng trứng 240 - 260 quả/mái/năm. Khối lượng trứng 50 - 55 g/quả, vỏ trứng màu trắng.

- Gà Goldline: Nguồn gốc từ nước Hà Lan, lông màu nâu. Sản lượng trứng 245 - 300 quả/mái/năm; khối lượng trứng 56 - 60 g/quả, vỏ trứng màu nâu.

- Gà Hyline: Nguồn gốc từ nước Mỹ, lông màu nâu nhạt, thân hình nhỏ nhẹ, mào cờ. Sản lượng trứng: 280 - 290 quả/mái/năm; khối lượng trứng 56 - 60 g/quả, vỏ trứng màu nâu.

- Gà ISA Brown: Nguồn gốc từ nước Pháp, lông màu nâu, thân hình nhỏ nhẹ. Sản lượng trứng 280 - 290 quả/mái/năm; khối lượng trứng 58 - 60 g/quả, vỏ trứng màu nâu.

- Gà Brown nick: Nguồn gốc từ nước Mỹ, lông màu nâu, thân hình nhỏ nhẹ, mào cờ. Sản lượng trứng 280-300 quả/mái/năm; khối lượng trứng 56-60g/quả, vỏ trứng màu nâu.

- Gà Rhode Ri: Do Viện Chăn nuôi lai tạo, có màu lông vàng nhạt, mào đơn. Chân và da vàng. Sản lượng trứng 180 - 203 quả/mái/năm; khối lượng trứng 51 - 52 g/quả. Ở 20 tuần tuổi trống nặng 2,0 kg, mái nặng 1,6 - 1,7 kg.

b) Giống gà chuyên thịt

- Gà thịt AA: Nguồn gốc từ nước Mỹ và Thái Lan, lông màu trắng tuyền; da chân, mỏ màu vàng nhạt, mào đơn; thân hình cân đối, chân cao, ức ngực phẳng. Khối lượng lúc 49 ngày tuổi: gà trống 2,8 kg; gà mái 2,6 kg. Sản lượng trứng 180 - 190 quả/mái/năm; tiêu tốn thức ăn 2,1 - 2,2 kgTĂ/1 kg tăng trọng.

- Gà thịt Ross 208: Nguồn gốc từ nước Hungari, lông màu trắng tuyền; chân cao vừa phải, ức ngực nở, mào cờ. Khối lượng lúc 49 ngày tuổi: gà trống 2,6 kg mái đạt 2,2 kg. Sản lượng trứng 160 quả/mái/năm; tiêu tốn thức ăn 2,1 - 2,2 kg TĂ/kg tăng trọng.

- Gà thịt Lohman meat: Nguồn gốc từ nước Indonexia, lông màu trắng tuyền; da chân, mỏ màu vàng nhạt, mào đơn; thân hình cân đối, chân cao, ức ngực phẳng. Khối lượng lúc 49 ngày tuổi gà trống 2,6 kg; gà mái 2,2 kg; tiêu tốn thức ăn 2,1 - 2,2 kgTĂ/ kg tăng trọng; sản lượng trứng 175 - 185 quả/mái/năm.

- Gà thịt ISA Vedette: Nguồn gốc từ nước Pháp, lông màu trắng tuyền; da chân, mỏ màu vàng nhạt, mào cờ; thân hình nhỏ, chân thấp. Khối lượng lúc 49 ngày tuổi: gà trống 2,6 kg; gà mái 2,3 kg; sản lượng trứng 160 quả/mái/năm; tiêu tốn thức ăn 2,1 - 2,2kg TĂ/ kg tăng trọng.

c) Các giống gà thả vườn

- Gà Tam Hoàng: Nguồn gốc từ nước Trung Quốc. Gà mái lông màu vàng; gà trống cổ, đuôi lông màu vàng xen kẽ đỏ tía; chân vàng, da vàng, mào cờ nhiều răng cưa. Gà Tam Hoàng có 2 dòng:

+ Gà Tam Hoàng dòng 882 có sản lượng trứng 148 quả/mái/năm; khối lượng cơ thể lúc 10 tuần tuổi 1,55 kg; tiêu tốn thức ăn 2,7 kg TĂ/kg tăng trọng.

+ Gà Tam Hoàng dòng Jiangcun có sản lượng trứng 155 quả/mái/năm. Khối lượng cơ thể lúc 10 tuần tuổi 1,4 kg; tiêu tốn thức ăn 2,85 kg TĂ/1 kg tăng trọng.

- Gà Lương Phượng: Nguồn gốc từ Trung Quốc, gà mái lông màu vàng đốm đen xen kẽ, gà trống màu lông nâu sẫm, sắc tía ở cổ, cánh gián ở lưng, xanh đen ở đuôi; mào cờ tích tai phát triển, màu đỏ tươi, da và chân màu vàng nhạt. Khối lượng lúc 20 tuần tuổi gà mái đạt 1,9 - 2,1 kg; gà trống đạt 2,8 - 3,2 kg; tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 22 - 23 tuần tuổi; sản lượng trứng 170 - 190 quả/mái/năm; tiêu tốn thức ăn 3,0 - 3,2 kg TĂ/kg tăng trọng.

- Gà Kabir: Nguồn gốc từ Israel, lông màu cánh gián, mào cờ, da và chân màu vàng nhạt. Khối lượng lúc 20 tuần tuổi gà mái đạt 2,1 - 2,2 kg; gà trống đạt 3,0 - 3,2 kg. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 24 tuần tuổi; sản lượng trứng/10 tháng đẻ 180 quả/mái/năm; tiêu tốn thức ăn 2,3 - 2,5 kg TĂ/kg tăng trọng.

- Gà Sasso: Nguồn gốc từ nước Pháp, gà mái lông màu đỏ sẫm hoặc nâu đỏ, gà trống lông toàn thân màu đỏ sẫm, lông cổ màu đỏ tía; mào cờ, da, mỏ và chân màu vàng nhạt. Khối lượng lúc 20 tuần tuổi con mái đạt 2,0 - 2,2 kg; con trống 2,8 - 3,2 kg. Tuổi đẻ quả trứng đầu tiên 24 tuần tuổi; sản lượng 185 quả/mái/năm; tiêu tốn thức ăn 2,5 - 2,7 kg TĂ/kg tăng trọng.

II. KỸ THUẬT CHỌN GIỐNG GÀ

Tuỳ theo mục đích chăn nuôi, có thể chọn giống ở 03 giai đoạn: Chọn gà con mới nở (giai đoạn 1 - 6 tuần tuổi), giai đoạn hậu bị và giai đoạn sinh sản.

1. Kỹ thuật chọn gà con mới nở

- Nguyên tắc chọn: Khi chọn gà con mới nở phải dựa vào đặc điểm ngoại hình để chọn, cụ thể:

Khối lượng sơ sinh lớn. Màu lông đặc trưng của giống, lông bông, bụng thon nhẹ, rốn kín. Mắt to, sáng và nhanh nhẹn. Chân bóng, cứng cáp, không dị tật, đi lại bình thường. Mỏ khép kín.

- Cách chọn: Bắt lần lượt từng con và cầm gà trên tay, quan sát toàn diện từ lông, đầu, cổ, chân, bụng và hậu môn để phát hiện các khuyết tật; thả gà để quan sát dáng đi lại; loại những con không đạt yêu cầu.

2. Kỹ thuật chọn gà hậu bị

Chọn vào 2 thời điểm: Lúc 6 tuần tuổi và lúc 20 tuần tuổi.

- Nguyên tắc chọn: Dựa vào đặc điểm ngoại hình và khối lượng.

- Cách chọn: Những đặc điểm của gà mái hậu bị tốt: Đầu tròn, nhỏ; mắt to, sáng; mỏ bình thường; mào và tích tai đỏ tươi; thân hình cân đối; bụng phát triển, khoảng cách giữa cuối xương lườn hái và xương háng rộng; chân màu vàng bóng; lông bóng, mượt. Trạng thái nhanh nhẹn.

3. Kỹ thuật chọn gà mái đẻ

- Nguyên tắc chọn: Dựa vào đặc điểm ngoại hình.

- Cách chọn: Chọn những con mái có mào và tích tai to, mềm, màu đỏ tươi; khoảng cách giữa 2 xương háng rộng, đặt lọt 2 - 3 ngón tay; khoảng cách giữa

mỏm xương lưỡi hái và xương háng rộng, đặt lọt 3 - 4 ngón tay; lỗ huyết ứ, cử động, màu nhạt. Màu sắc mỏ, chân và lông nhạt dần theo thời gian đẻ.

PHẦN II. CHUỒNG TRẠI, DỤNG CỤ CHĂN NUÔI, THIẾT BỊ CHĂN NUÔI

I. LÔNG, QUÂY ÚM GÀ CON

1. Quây úm:

Thường dùng quây úm bằng cốt, cao 45 - 50 cm, độ dài phụ thuộc vào số lượng gà úm đảm bảo mật độ 15 - 25 con/m². Quây được nối rộng dần theo tuổi gà và nhiệt độ môi trường.

2. Lông úm:

Lông có kích thước 1 x 2 x 0,5 m để nuôi 50 - 70 gà con, đáy lông cách mặt đất 0,5 m làm bằng lưới sắt có kích thước lỗ 1,5 - 1,5 cm hoặc làm bằng phen tre, nứa...; khung bằng gỗ, xung quanh có đóng nẹp tre hoặc nẹp gỗ có nắp đậy.

II. CHUỒNG NUÔI

1. Chuồng nuôi tập trung công nghiệp hoặc bán công nghiệp

Nguyên tắc chung: Chuồng trại xây ở khu đất cao ráo, thoáng, xa khu dân cư, xa chợ, xa trường học, xa khu đô thị. Nền cao từ 40 - 50 cm trở lên so với mặt bằng. Chuồng hướng về phía Nam, Đông Nam; quanh chuồng và trang trại có hệ thống cống rãnh để tiêu nước nhanh. Giữa các chuồng cách nhau tối thiểu 15 m (bằng 2 - 3 lần chiều cao của chuồng). Toàn bộ khu chuồng có rào dậu, xây tường cách ly và vệ sinh phòng bệnh tốt. Mỗi chuồng có một gian kho để thức ăn, dụng cụ chăn nuôi, có chỗ cho công nhân ghi chép số liệu và nghỉ ngơi.

Một số trang trại lớn nuôi gà sinh sản và gà thịt trên sàn làm bằng lưới không rỉ hoặc bằng nhựa. Nuôi bằng chuồng sàn đạt hiệu quả kinh tế cao. Tăng mật độ nuôi 40 - 50 %, vệ sinh môi trường tốt, không phải chi phí chất độn chuồng, phòng chống được nhiều bệnh đường tiêu hoá. Chiều cao sàn cách nền chuồng 50 - 80 cm để dễ vệ sinh.

2. Chuồng nuôi gà bán chăn thả hộ gia đình

- Hướng chuồng: Làm chuồng theo hướng Nam, Đông Nam là tốt nhất.

Nên làm chuồng nơi khô ráo, cuối chiều gió so với nhà ở. Đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông.

Nếu quy mô chăn nuôi gia đình từ vài trăm con trở lên thì chuồng nên chọn khu vực cách ly với sinh hoạt gia đình và hàng xóm xung quanh, thuận tiện giao thông để dễ vận chuyển thiết bị, thức ăn, sản phẩm...

- Diện tích: Diện tích chuồng nuôi phải phù hợp; chuồng hẹp, mật độ cao quá, gà sẽ chậm lớn, dễ mắc bệnh; chuồng rộng, mật độ thấp quá, sẽ lãng phí chuồng nuôi, nhiệt sưởi, không kinh tế. Vì vậy cần nuôi với mật độ thích hợp.

- Nền chuồng: Cao hơn xung quanh ít nhất là 30 cm để tránh mưa ngập, úng nền. Mặt nền phải nhẵn để tiện quét dọn, tẩy uế (phổ biến nhất là lát xi măng), đồng thời nền chuồng cần có độ nghiêng nhất định và có hệ thống rãnh thoát nước. Nếu nuôi dưới nền xi măng, nền gạch thì tường chuồng chỉ nên cao 30 cm. Phần trên còn lại chắn bằng lưới hoặc đan bằng nan tre, phen nứa. Nền chuồng rải một lớp trấu dày 3 cm đến 5 cm. Trong chuồng cần gác những thanh ngang (tre, nứa) cho gà đậu. Chuồng gà đẻ cần có ổ cho gà đẻ.

- Sàn chuồng: Sàn chuồng làm cách mặt đất từ 0,5 m đến 1 m. ☞

- Mái chuồng: Làm bằng vật liệu sẵn có tại địa phương như lá cọ, rạ, cỏ tranh và mái có độ nghiêng là 45° , nếu có điều kiện lợp bằng ngói thì độ nghiêng là 35° , lợp Fibro xi măng hoặc tôn thì độ nghiêng là 16° đến 20° .

- Bãi chăn thả: Vườn chăn thả và chuồng nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh, diện tích cần phù hợp với số lượng gà nuôi. Vườn chăn thả phải khô ráo, thoát nước tốt, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y và có cây tạo bóng mát; có hố tắm cát để trừ mò, mát cho gà. Vườn có thể chia khu để chăn thả luân phiên.

III. DỤNG CỤ, THIẾT BỊ CHĂN NUÔI

Dụng cụ, thiết bị chăn nuôi bao gồm thiết bị vận chuyển thức ăn, hệ thống máng ăn, máng uống, đồ bảo hộ, dụng cụ làm vệ sinh...

1. Thiết bị vận chuyển thức ăn

Nếu chuồng nuôi kín, điều hoà tiểu khí hậu tự động, máng ăn tự động thì đầu chuồng có bồn chứa thức ăn, có xe chuyên dùng chở thức ăn rời (không bao gói) nạp thức ăn vào bồn.

Nếu chăn nuôi thủ công, chuồng thông thoáng thì dùng xe cút kít hoặc xe ba gác... để chở thức ăn từ kho chế biến hoặc dự trữ thức ăn đến gian kho ở mỗi chuồng. Mỗi chuồng có thể dùng xe đẩy hoặc quang thúng đưa thức ăn từ kho đến các ô nuôi gà.

2. Máng ăn

- Phương thức nuôi thủ công: Máng ăn cho gà con dưới 3 tuần tuổi được làm bằng tôn hoặc bằng nhựa, trên miệng máng có chụp để gà con không nhảy vào máng. Gà con trên 3 tuần tuổi dùng máng tròn, máng tôn hoặc nhựa tốt, thân tròn, dung tích lớn, có đường kính trên dưới 35 cm, cao trên dưới 45 cm.

- Phương thức nuôi tự động hoá: Máng ăn có băng tải thức ăn bằng xích hoặc bằng lò xo, tải thức ăn theo một chiều khép kín hoặc có thể dùng hệ thống máng ăn tự động bằng ống.

- Phương thức nuôi bán chăn thả: Máng ăn cho gà con: Mẹt tre nửa, khay nhựa, khay tôn. Máng ăn cho gà lớn: ống tre, ống bương, chậu sành, chậu nhựa...

3. Máng uống

- Phương thức nuôi thủ công: Máng uống tròn (galon) làm bằng gang hoặc nhựa hoặc máng uống dài làm bằng tôn.

- Phương thức nuôi tự động hoá: Có thể dùng máng uống tròn (galon), máng uống dạng đĩa, máng uống hình phễu, máng uống núm...

- Phương thức nuôi bán chăn thả: Có thể dùng ống tre, ống bương hoặc máng tròn (galon).

4. Dụng cụ khác

Đồ bảo hộ lao động, các loại cân, hệ thống phun nước rửa chuồng, chống nóng, bình phun thuốc sát trùng, bình chia độ pha thuốc, dụng cụ làm vệ sinh...

IV. VỆ SINH CHUỒNG TRẠI, DỤNG CỤ VÀ THIẾT BỊ CHĂN NUÔI

1. Vệ sinh chuồng trại

a) Phương thức chăn nuôi công nghiệp hoặc bán công nghiệp:

- Trước khi nhập gà, phải cạo quét sạch nền chuồng, mạng nhện, bụi bẩn ở lưới, trần nhà, bạt che. Sau đó dùng vòi phun áp lực mạnh rửa sạch nền chuồng, trần, lưới, xung quanh chuồng. Để sau một ngày, chuồng khô ráo, rải độn chuồng (phoi bào hoặc trấu khô) đều trên nền chuồng với độ dày 15 - 20 cm (tùy theo thời

gian nuôi gà). Đóng kín bạt, phun thuốc sát trùng bằng formol 2% lên tường, trần, lưới, bạt ...sau đó phun thuốc sát trùng bằng formol 2 % hoặc dung dịch sun phat đồng 0,5% lên nền chuồng để diệt vi khuẩn, nấm mốc. Sau khi sát trùng 7 ngày mới được đưa gà vào nuôi.

- Cửa chuồng gà có hố đựng nước sát trùng loại Fiprotan 0,2 % hoặc Crezin 3 %.
- Quét vôi (pha nồng độ 2 %) lên tường, hè, cửa chuồng.

Sau khi vệ sinh xong, đóng cửa chuồng và niêm phong không cho ai qua lại.

Ở cổng trại có nhà để quần áo, phòng tắm nước sát trùng, tắm nước sạch cho người trước khi vào chuồng nuôi gà. Có hố chứa dung dịch sát trùng bánh xe; bố trí người thường trực, dùng bình phun thuốc formol 2%, phun toàn diện lên phương tiện vận chuyển trước khi vào trại.

- Cửa kho chứa dụng cụ chăn nuôi, đặc biệt kho thức ăn chính phải có hố thuốc sát trùng Crez.n 3 %.

- Định kỳ diệt những loại gặm nhấm, côn trùng, chim thú hoang dã truyền bệnh như: chuột, chồn, chim, quạ ... đặc biệt phải trừ chuột tận gốc.

Mỗi trại, mỗi khu vực chăn nuôi phải có hố tự hoại sâu tối thiểu 5 m, trên có nắp đậy kín để bỏ gà chết, gà mổ khám bệnh, thiêu đốt hoặc phun thuốc sát trùng vào hố. Hố này đặt cuối hướng gió, sát bờ rào của trại.

b) Phương thức nuôi chăn thả:

- Vệ sinh trước khi nuôi: Trước khi đưa gà về nuôi phải vệ sinh chuồng trại và khu vực chăn thả gà: dọn vệ sinh, cọ rửa sạch sẽ chuồng nuôi; để khô 0,5 - 1 ngày sau đó phun thuốc sát trùng, quét vôi. Sau khi quét vôi để trống chuồng ít nhất 7 ngày mới đưa gà vào nuôi.

- Vệ sinh trong khi chăn nuôi: Chuồng gà cần đảm bảo khô ráo, sạch sẽ thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Sân thả gà luôn khô ráo, sạch sẽ, có hàng rào bao quanh. Định kỳ quét phân, thay đệm chuồng, rắc vôi bột vào các nơi ẩm ướt, quét vôi chuồng nuôi, sân thả gà. Phun thuốc diệt muỗi, mò, mạt, phân gà, chất độn chuồng lẫn phân cần được gom vào nơi quy định và ủ kỹ để diệt mầm bệnh.

- Vệ sinh sau đợt chăn nuôi: Thu gom phân gà, chất độn chuồng lẫn phân, rác thải vào nơi quy định và ủ kỹ để diệt mầm bệnh. Cọ rửa nền, tường, rèm che, dụng cụ chăn nuôi sau đó sát trùng bằng chất khử trùng.

2. Sát trùng dụng cụ chăn nuôi

- Máng ăn, máng uống nuôi gà đợt trước phải rửa sạch. Ngâm trong bể chứa dung dịch chất sát trùng formol 1 % trong 15 phút, lấy ra phơi khô cất vào kho.

- Chụp sưởi được quét sạch bụi bẩn, lau bằng giẻ ẩm. Dùng giẻ thấm dung dịch formol 2 %, để khô rồi cất vào kho.

- Các phương tiện vận chuyển thức ăn, vận chuyển gà phải được rửa sạch, tẩy uế bằng thuốc sát trùng.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như quần, áo, giầy, dép, ủng, mũ, tất tay được giặt, phơi khô và xông thuốc sát trùng, gói lại đưa vào kho.

- Kho đựng dụng cụ chăn nuôi phải được rửa sạch và phun thuốc sát trùng trước khi đưa các dụng cụ chăn nuôi vào.

- Quây gà được quét sạch, dùng vôi phun nước rửa sạch, để khô, phun dung dịch formol 2 % hoặc Fiprotan 0,2 %.

Công tác vệ sinh chuồng trại và dụng cụ chăn nuôi để nuôi đàn gà mới được áp dụng cho các loại gà: gà con một ngày tuổi, gà dò, gà đẻ (từ gà con chuyển sang chuồng nuôi gà dò, từ chuồng gà dò chuyển sang chuồng nuôi gà đẻ).

PHẦN III. KỸ THUẬT CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

I. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ SINH SẢN TẬP TRUNG, CÔNG NGHIỆP HƯỚNG THỊT

1. Kỹ thuật chăn nuôi gà sinh sản hướng thịt

a) Úm gà con

Khi chở gà về chuồng, nhanh chóng thả gà vào quây đã bật đèn sưởi trước 2 giờ. Cho gà uống nước có Vitamin C + đường Gluco 0,5 %, sau đó cho ăn thức ăn để tránh bọ thực. Tốt nhất 2 ngày đầu cho ăn ngô nghiền, không cho ăn thức ăn hỗn hợp, để gà tiêu nhanh lòng đỏ trong bụng, tránh gà bị nặng bụng kéo dài.

Thường xuyên theo dõi nhiệt độ chuồng úm gà, đảm bảo chế độ sưởi ấm, không để gà bị lạnh, sẽ dẫn đến kém ăn, chậm lớn, còi cọc.

Biểu hiện của gà con khi nhiệt độ trong quây quá nóng hoặc quá lạnh

- Khi nhiệt độ thấp: Gà chụm lại dưới chup sưởi, nằm đè lên nhau. Cần hạ thấp bóng điện, tăng thêm công suất bóng điện hoặc tăng số lượng bóng điện.

- Khi nhiệt độ cao: Gà tản xa chup sưởi, kêu nháo nhác, uống nhiều nước, xoa cánh. Cần nâng cao bóng, giảm công suất bóng, giảm số lượng bóng.

- Đủ nhiệt: Gà tản đều trong quây.

b) Định mức thiết bị, diện tích nuôi 1.000 gà bố mẹ sinh sản ở các giai đoạn (theo tuần tuổi)

Hạng mục	Đơn vị tính	Gà con (0 - 5 tuần tuổi)	Gà dò (6 - 12 tuần tuổi)	Gà đẻ (Sau 20 tuần tuổi)	Ghi chú
- Diện tích nền chuồng	m ²	100	150 - 160	150 - 330	
- Chup, sưởi	Chup	2	-	-	1000 w/chup
- Khay ăn gà con	cái	10	-	-	Cỡ 50x60 cm
- Máng ăn tròn	cái	19 - 20	70 - 80	50 - 55	
- Máng ăn dài	Cái	50 - 60	152 - 155	140 - 142	
- Máng uống tròn	cái	10			
- Máng uống tròn tự động	cái	10	10	12	
- Máng uống tròn tự động (núm)	cái	100	-	-	
- Máng uống dài 1,2 m	cái		25	25	
- Lớp dộn chuồng dày		15 - 22	15 - 20	15 - 20	
- Ổ đẻ	Con/l ổ đẻ	-	-	4 - 5	

c) Chế độ nhiệt ở chuồng nuôi gà con

Ngày tuổi	Bằng chup sưởi, nhiệt độ		Sưởi bằng khí nóng cho chuồng gà kín (°C)
	Quanh chup sưởi (°C)	Trong chuồng (°C)	
0-3	37 - 38	28 - 29	31 - 33
4-7	34 - 35	27 - 28	31 - 32

8-14	31 - 32	26 - 27	30 - 31
15-21	28 - 29	26 - 27	29 - 30
22-28	20 - 24	18 - 20	-

Độ ẩm duy trì 65 – 70 % bằng cách đảm bảo chất độn chuồng luôn khô ráo.

d) Chế độ chiếu sáng

Gà con, gà dò (ngày tuổi)	Số giờ chiếu sáng (giờ)	W/m ² nền	Cường độ (lux)
1 - 2	22 - 23	3	30
3 - 4	20	3	30
5 - 6	18	3	30
7 - 8	16	3	30
9 - 10	14	3	30
11 - 12	12	3	30
13 - 14	10	3	30
15 - 133	8	3	30
134 - 140	9	3	30
Gà đẻ (tuần tuổi)			
21	10	3	30
22	12	3	30
23	14	3	30
24 - 26	14,5	3	30
27 - 29	15	3	30
30 - 32	15,5	3	30
Sau 32	16	3	30

Để đạt được tỷ lệ đẻ 5 % vào lúc gà 25 tuần tuổi trong điều kiện nuôi ở chuồng thông thoáng tự nhiên phải thực hiện nghiêm ngặt chế độ chiếu sáng qua các giai đoạn gà con, gà dò, gà đẻ. Ngày nắng che bớt ánh nắng chiếu vào chuồng gà.

e) Những điều cần thực hiện khi nuôi gà hậu bị (gà dò).

Khi nuôi gà hậu bị cần tăng số lượng máng ăn, đảm bảo mọi con có chỗ đứng ăn cùng một lúc. Cắt mỏ gà lúc 1 ngày tuổi hoặc 10 ngày tuổi để phòng cắn nhau gây chết. Chỉ dùng vắc xin khi đàn gà khoẻ mạnh và cho gà uống nước pha Vitamin C hoặc Vitamin nhóm B.

Giảm mật độ gà nuôi /m² nền chuồng ở giai đoạn gà dò, gà mái mật độ nuôi 5 - 6 gà/m² nền, gà trống 1 - 2 gà/m² nền.

f) Những điều cần thực hiện khi nuôi gà đẻ (sau 20 tuần tuổi).

- Đàn gà hậu bị được 19 - 20 tuần tuổi, tiến hành chọn và chuyển sang chuồng gà đẻ. Khi gà trống, gà mái đạt 24 tuần tuổi mới ghép trống mái, cũng có thể ghép ngay sau khi chuyển lên đàn đẻ, lúc 19 - 20 tuần tuổi. Sau khi chuyển lên chuồng đẻ phải cho ăn tự do 2 - 3 ngày sau đó cho ăn theo tiêu chuẩn.

- Điều chỉnh thức ăn và các yếu tố kỹ thuật khác, không để gà đẻ đạt 5 % trước 24 tuần tuổi và sau 26 tuần tuổi.

- Sau 24 tuần tuổi cho gà trống ăn tách riêng gà mái nhờ hệ thống nâng cao hoặc chụp máng ăn. Số lượng thức ăn và chất lượng thức ăn phải thấp hơn gà mái, bình quân 125 - 135g/con gà trống/ngày.

- Định kỳ 2 tuần cân mẫu gà 1 lần để kiểm tra khối lượng cơ thể gà. Nếu không đạt khối lượng cơ thể thì tăng khẩu phần ăn, nếu vượt quá mức quy định thì giảm khẩu phần. ☺

- Thu nhật trứng và bảo quản trứng: Sáng 3 lần, chiều 2 lần. Mỗi lần thu trứng đều sát trùng và vận chuyển ngay vào kho bảo quản.

g) Những điều cần thực hiện khi nuôi gà trống

Bố trí nuôi tách riêng trống, mái ngay từ khi mới nở cho đến 24 tuần tuổi. Khi gà được 7 ngày tuổi, có thể cắt mỏ phía nhọn, mục đích để không gây thương tích lúc mổ nhau và đập mái. Khi gà trống ngoài 6 tuần tuổi cho ăn thêm thức ăn hạt, rải ra nền trên lớp độn chuồng. Số hạt rơi xuống lẫn vào chất độn chuồng, gà phải bới khoẻ chân, đập mái tốt. Cắt móng ngón chân thứ 3 sát đầu ngón lúc gà 8-10 tuần tuổi.

Lúc gà trống 14 - 15 tuần tuổi cân và chọn lọc gà trống đạt tiêu chuẩn giống. Gà trống phải cùng tuổi gà mái, ghép 1 trống cho 8 mái. Gà trống mào dựng đỏ lúc 16 tuần tuổi trở đi mới là gà khoẻ, thành thực tốt. Gà trống được 30 tuần tuổi, loại gà trống yếu, đập mái kém.

Khi gà trống đập mái định kỳ 3 ngày cho uống Vitamin A, D, E và cho ăn 5 g thóc mầm/con/ngày.

h) Nhu cầu dinh dưỡng và định mức ăn cho gà sinh sản hướng thịt qua các giai đoạn tuổi: (thực hiện theo phụ biểu 01).

- Thức ăn gà con 0 - 6 tuần tuổi: Cho gà con ăn tự do 23 - 24 giờ/ngày trong 2 hoặc 3 tuần đầu, chất lượng thức ăn cao hơn các giai đoạn khác, đặc biệt là Protein, Vitamin và khoáng, sau 2 - 3 tuần tuổi bắt đầu cho ăn hạn chế.

- Thức ăn gà hậu bị (7 - 19 tuần tuổi): Yêu cầu gà giai đoạn này là không béo, không gầy, đạt khối lượng chuẩn cho mỗi giống, có độ đồng đều trong đàn $\geq 80\%$. Cho ăn hạn chế số lượng hoặc giảm chất lượng thức ăn.

- Thức ăn cho gà sinh sản thời kỳ đẻ trứng giống: Giai đoạn đẻ khởi động (19 - 22 tuần tuổi), tùy theo điều kiện và chế độ nuôi dưỡng, tình trạng sức khỏe cho đàn gà rút ngắn hoặc kéo dài số tuần nuôi ở giai đoạn này. Sau đó phải đảm bảo thức ăn đủ dinh dưỡng cho gà đẻ.

Chú ý: Gà đẻ không để đứt bữa, không thay đổi khẩu phần đột ngột.

2. Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt (Broiler)

a) Úm gà con (thực hiện theo điểm a, khoản 1, mục I, phần III).

b) Chế độ nhiệt chuồng nuôi

Tuần tuổi	Nhiệt độ dưới chụp sưởi ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trong chuồng ($^{\circ}\text{C}$)
1	37 giảm còn 33	35 - 32
2	32 - 30	31 - 30
3	29 - 27	29 - 27
4	26 - 25	26 - 25
5	23 - 22	23 - 22
Sau 5 tuần tuổi	20 - 18	20 - 18

Trong 3 - 4 tuần tuổi đầu phải sưởi cho gà bằng chụp sưởi. Mùa hè sau 3 tuần tuổi thì bỏ chụp sưởi, mùa đông 4 - 5 tuần tuổi mới bỏ chụp. Quan sát thấy gà chụm lại dưới chụp là gà lạnh, cần hạ chụp; nếu gà tản xa chụp là gà nóng cần nâng chụp, gà tản đều xung quanh là vừa, nếu gà chụm lại một góc là có gió, phải che hướng gió.

c) Chế độ chiếu sáng chuồng nuôi

Tuần tuổi	Thời gian chiếu sáng/ngày (giờ)	Cường độ chiếu sáng (W/m ² nền)
1	24	4,0
2	23	4,0
3	23	3,5
4	22	2,0
5	22	2,0
Sau 5 tuần tuổi	22	0,5 - 0,2

Chế độ chiếu sáng ngắt quãng 30 phút/ngày vào lúc gà ăn no, nằm nghỉ. Cường độ chiếu sáng trong 2 tuần đầu cao sau đó giảm dần theo độ tăng của tuổi.

d) Chế độ không khí chuồng nuôi

Tuần tuổi	Lượng khí lưu thông m ³ giờ/1kg KLS		
	Mùa đông	Mùa xuân, thu	Mùa hè
1-2	1,1	2,4	14
3-5	1,1	17	9,1
6-8	1,4	4,6	6,6
Sau 8 tuần tuổi	1,3	3,3	6,3

Gà thịt Broiler tăng khối lượng nhanh, ăn nhiều, trao đổi chất cao, cần nhiều không khí thở và thải nhiều thán khí. Vì vậy cần có hệ thống quạt thông khí trong chuồng.

e) Độ ẩm không khí chuồng nuôi: Độ ẩm không khí chuồng nuôi đảm bảo 60 - 79 % trong tuần đầu sau đó giảm 55 - 70 %, trung bình 65 %.

f) Nồng độ khí độc cho phép trong chuồng nuôi: Lượng khí CO₂ tối đa không quá 0,1 % trong khí ở chuồng gà. Hàm lượng H₂S không quá 0,01 %, hàm lượng NH₃ không quá 0,01 %.

g) Mật độ nuôi: Trong 0 - 3 hoặc 4 tuần đầu, gà úm trong quây, mật độ không quá 100 con/m² nền có quây. Sau đó bỏ quây đảm bảo mật độ như sau:

Tuần tuổi (tuần)	Nuôi chuồng thông thoáng (con/m ² nền)	Nuôi sàn (con/m ² sàn)	Nuôi nhà kín (con/m ² nền)
0 - 3 (hoặc 4 tuần)	úm	úm	úm
4 - 7 hoặc sau 7 tuần	9 - 10	15 - 20	12 - 13

h) Mật độ, máng ăn, máng uống

Tuần tuổi	Máng ăn		Máng uống	
	Thủ công	Tự động	Thủ công	Tự động
0-3 (4)	100 gà/1 khay	50 gà/máng tròn	100 gà/máng 4 lít (galon)	100 gà/máng tròn hay 20 gà/núm
4 (5)- kết thúc	16 - 18 gà /máng dài hay 30 - 35 gà/máng tròn	15 cm/băng tải thức ăn/1 gà	2,5 - 2,8 cm/1 gà	50 gà/1 máng hay 10 gà/núm

i) Nhu cầu dinh dưỡng và định mức thức ăn

Sau 2 tuần tuổi con trống tăng khối lượng cao hơn con mái 25-30%. Tiêu chuẩn thức ăn cho gà trống cao hơn gà mái, để tránh gà trống lẫn át gà mái nên

tách trống mái riêng biệt, đảm bảo gà mái ăn hết khẩu phần. Gà trống bán trước gà mái 1 tuần, như vậy tận dụng được diện tích chuồng trại.

Nhu cầu dinh dưỡng và định mức thức ăn: (*thực hiện theo phụ biểu 02*).

Nếu không có sản thay thế tấm hoặc ngô. Có L-Lizin thì phối trộn theo công thức CT 1.2, CT 2.2, CT 3.2.

II. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ TẬP TRUNG, CÔNG NGHIỆP HƯỚNG TRỨNG

1. Nhiệt độ chuồng nuôi

Tuần tuổi	Nhiệt độ dưới chụp sưởi ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trong ô chuồng ($^{\circ}\text{C}$)
1	Từ 35 giảm xuống 33	24-29
2	33-31	31-29
3	31-28	29-26
4	28-25	26-23
5	25-22	23-20

Vào mùa hè khi gà đạt 2 tuần tuổi thì bỏ quây, mùa đông sau 3 - 4 tuần tuổi mới bỏ quây. Gà đẻ trứng có khả năng chịu nóng và chịu lạnh rất tốt. Tuy vậy vẫn phải duy trì nhiệt độ trên dưới 25°C vào thời kỳ đẻ trứng, nếu trên 29°C phải có biện pháp chống nóng gà mới đẻ bình thường.

2. Mật độ chuồng nuôi

Tuần tuổi (tuần)	Nuôi chuồng thông thoáng (con/m^2 nền)	Nuôi sàn (con/m^2 sàn)	Nuôi nhà kín (con/m^2 nền)
0 - 8	11 - 20	10 - 25	15 - 30
9 - 18	8 - 9	15 - 20	12 - 13
Sau 18	3,5 - 4,0	5 - 6	5 - 6

3. Mật độ máng uống

Tuần tuổi (tuần)	Máng uống thủ công (tròn, dài)	Máng uống tự động (Pal)
0 - 3	100 gà/máng galon 4 lít	100 gà/1 máng gà con
4 - 8	1,5 cm/gà	100 gà/1 máng gà lớn
9 - 18	2,0 cm/gà	-
Sau 18	2,5 - 2,8 cm/gà	-

Không đặt máng uống dưới chụp sưởi và cạnh máng ăn, nhưng không để quá xa chụp sưởi và đèn sáng gà khó tìm để uống. Máng uống thủ công (máng dài) phải có chụp để gà không lội chân vào.

4. Mật độ máng ăn

Tuần tuổi	Máng ăn thủ công (tròn, dài)	Máng ăn tự động
0-3	100 gà/1 khay ăn	100 gà/khay ăn
4 - 7 hoặc 8	15 - 18 cm/gà hay 30 - 35 con/máng tròn lớn	15 - 18 cm/gà hay 50 con/máng tròn hình chảo
7 - 19	nt	nt
20 - kết thúc đẻ	nt	nt

5. Chế độ chiếu sáng chuồng nuôi

Tuần tuổi	Số giờ chiếu sáng	Cường độ chiếu sáng	
		W/m ² nền	Lux/m ² nền
1	22 - 23		
2	20	4	40
3	18	1,5	10
4	16	1,5	10
5	14	1,5	10
6	12	1,5	10
7	10	1,5	10
8 - 18	9	1,5	10
19 - 20	9	3	10
21	10	3,0	30
22	11	3	30
23	12	3	30
24	13	3	30
24 - 35	14	3	30
36 - 72	Tăng dần đạt 17 giờ/ngày đêm	3	30

Triệt để sử dụng ánh sáng tự nhiên, trời tối cho ánh sáng đèn loại bóng không quá 60W. Tuần đầu mắt gà kém phải sử dụng ánh sáng với cường độ cao để gà tìm được thức ăn, nước uống.

6. Độ ẩm tương đối trong chuồng gà

Gà từ 1-3 tuần tuổi yêu cầu độ ẩm từ 65 đến 75%.

Gà sau 4 tuần tuổi yêu cầu độ ẩm từ 60 đến 75%.

7. Chế độ thông khí

Để tăng độ thông khí trong chuồng, thường dùng quạt ngang hoặc quạt trần, ở chuồng kín dùng quạt hút, quạt đẩy với công suất lớn đặt ở hai đầu chuồng gà.

8. Nhu cầu dinh dưỡng và định mức ăn cho gà hướng trứng

- Đối với gà chuyên trứng thường chia làm 3 giai đoạn nuôi (tùy giống) để bố trí thức ăn như sau: Giai đoạn gà con: 0 - 6 tuần tuổi; Giai đoạn gà dò (hậu bị): 7 - 18 tuần tuổi; Giai đoạn gà đẻ: 19 - 72 tuần tuổi hoặc hơn.

- Thức ăn cho gà đẻ tương tự như thức ăn cho gà bố mẹ, chỉ khác là ở chỗ gà bố mẹ ở thời kỳ thu trứng áp cần bổ sung thêm Vitamin A, D, E, thóc mầm.

Nhu cầu dinh dưỡng và định mức ăn cho gà hướng trứng (*thực hiện theo phụ biểu số 03*). *T*

III. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ SINH SẢN TẬP TRUNG, BÁN CÔNG NGHIỆP

1. Kỹ thuật nuôi gà con (0 - 6 tuần tuổi)

a) Chuẩn bị điều kiện chăn nuôi: (thực hiện theo Phần II).

b) Úm gà con: (thực hiện theo điểm a, khoản 1, mục I, phần III).

c) Nhiệt độ chuồng nuôi:

Ngày tuổi	Nhiệt độ trong quây ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trong chuồng ($^{\circ}\text{C}$)	Ẩm độ tương đối (%)
1 - 3	31 - 32	28 - 30	60 - 70
4 - 7	30 - 31	27 - 29	
8 - 14	29 - 30	26 - 28	
15 - 21	26 - 28	24 - 26	
22 - 28	24 - 26	22 - 24	
>28	23 - 24	20 - 22	

d) Độ thông thoáng: Gà con mới xuất chuồng cần thiết phải duy trì độ thông thoáng ở mức tối thiểu để tránh xảy ra bệnh tật. Khoảng 3 ngày sau cần phải thay đổi không khí tạo độ thông thoáng, tránh ẩm thấp, ngột ngạt để làm cho bệnh dịch phát sinh.

e) Mật độ nuôi: Đối với gà chăn nuôi tập trung, bán công nghiệp nuôi nên, sử dụng chất độn chuồng, mật độ nuôi như sau: Gà 1 - 5 tuần tuổi: 10 - 15 con/m²; Gà 6 - 9 tuần tuổi: 7 - 8 con/m²; Gà 10 - 19 tuần tuổi: 5 - 6 con/m²; Gà từ 20 tuần tuổi trở lên: 3,5 - 4 con/m².

Nếu nuôi sàn lưới: Gà 1 - 3 tuần tuổi: 20 đến 25 con/m²; Gà 4 - 12 tuần tuổi: 10 - 12 con/m²; Gà 13 tuần tuổi trở lên: 7 - 8 con/m².

f) Chế độ ánh sáng: Chế độ ánh sáng theo từng giai đoạn như sau:

Tuần tuổi	Thời gian	Cường độ (W/1m ² chuồng nuôi)
0 - 2	24 giờ	4
3 - 8	16 giờ	3
9 - 14	8 - 9 giờ (ánh sáng tự nhiên)	2
15 - 23	8 - 9 giờ (ánh sáng tự nhiên)	2,5
> 23	16 giờ	3,5

g) Nhu cầu dinh dưỡng và định mức ăn giai đoạn gà con.

Đảm bảo đầy đủ máng ăn để gà không chen lấn và ăn đồng đều.

Từ 1 - 3 tuần sử dụng khay ăn bằng tôn hoặc nhựa, cho gà ăn 6-8 lần trong ngày. Lượng thức ăn mỗi lần cần đổi đủ theo nhu cầu để thức ăn luôn được mới, sạch sẽ, kích thích tính thèm ăn của gà. Sau 3 tuần nên thay khay ăn bằng máng

dài hoặc máng P50 cho hợp vệ sinh. Khi dùng máng treo cần điều chỉnh cho phù hợp độ cao để gà được ăn một cách thoải mái và tránh thức ăn bị rơi vãi. Máng ăn cần thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ. Chiều dài máng ăn bình quân/gà như sau:

Gà 1 - 2 tuần tuổi khoảng cách 3 - 4 cm/con.

Gà 3 - 5 tuần tuổi khoảng cách 4 - 5 cm/con.

Gà 6 - 8 tuần tuổi khoảng cách 6 - 7 cm/con.

Nhu cầu dinh dưỡng và định mức thức ăn: (*thực hiện theo phụ biểu số 04, 05*).

h) Nước uống: cung cấp đủ nước uống sạch cho gà uống theo nhu cầu. Gà con mới xuống chuồng không nên cho uống nước lạnh, tốt nhất là hơi ấm, khoảng 20 - 22^o C trong 2 ngày đầu.

Sử dụng chụp nước uống tự động bằng nhựa, chứa 3,5 lít nước cho 100 con. Hàng ngày thay nước 2 - 3 lần để nước không bị ôi chua khi thức ăn lẫn vào.

2. Kỹ thuật nuôi gà dò, gà hậu bị

Sau 42 ngày tuổi, kết thúc giai đoạn gà con, phải chuyển sang chế độ nuôi ăn hạn chế cho gà dò hậu bị để gà không béo, sinh trưởng tuân theo quy trình kỹ thuật nuôi giống. Thay dần thức ăn gà con sang gà hậu bị trong vòng 1 tuần, có thể chăn thả ngoài vườn để tận dụng thức ăn trong thiên nhiên (giun, mối...) Hạn chế số lượng ăn hàng ngày từ 7 tuần tuổi. Khống chế khẩu phần để gà đạt khối lượng chuẩn theo từng giống (không quá béo hoặc quá gầy). Giai đoạn này nuôi tách riêng gà trống, gà mái. Chú ý chăm sóc đàn gà trống để đảm bảo có trống tốt. Thả chung trống mái lúc 20 tuần tuổi (5 tháng tuổi). Ghép gà trống với gà mái theo tỷ lệ 1/8 đến 1/10.

Theo dõi đàn gà mái để biết thời điểm đẻ bói và điều chỉnh phương thức chăm sóc nuôi dưỡng cho phù hợp (nếu gà đẻ quá sớm thì nên chăm sóc nuôi dưỡng theo chế độ gà đẻ. Nếu đẻ quá muộn thì phải tìm nguyên nhân để xử lý).

Cung cấp đủ nước uống sạch, tăng thêm số lượng máng uống, bổ sung vitamin C và chất điện giải cho gà. Che ánh nắng mặt trời chiếu thẳng vào chuồng đặc biệt vào mùa hè.

Nhu cầu dinh dưỡng cho gà dò, gà hậu bị: (*thực hiện theo phụ biểu 06*).

3. Kỹ thuật nuôi gà đẻ

a) Chuyển gà lên chuồng đẻ: Trong vòng 2 tuần trước khi bắt đầu đẻ, gà phải được chuyển hết sang chuồng đẻ để đủ thời gian phục hồi

b) Mật độ nuôi: Tính chung cho cả đàn trống và mái cần 3,0 - 6,5 con/m². Để duy trì mật độ nuôi chia thành các ô nuôi từ 300 - 500 con/ô.

c) Thức ăn: Áp dụng khẩu phần ăn gà đẻ ngay khi chuyển gà lên chuồng đẻ, thức ăn phải đảm bảo chất lượng, hàm lượng dinh dưỡng cao. Nhu cầu Protein và các axit amin giai đoạn này cần đảm bảo tỷ lệ Protein là 17 - 17,5 %/kg thức ăn; năng lượng trao đổi 2.750 kcal. Nhu cầu về can xi tăng theo tuổi của gà và tỷ lệ đẻ. Ở giai đoạn này tỷ lệ can xi cần 3,2 - 3,5 %/kg thức ăn; Phốt pho 0,60 - 0,65 %/kg thức ăn; Lyzin 0,84 - 0,95 %/kg thức ăn.

d) Chăm sóc: Chuẩn bị ổ đẻ trong chuồng cho gà. Hàng ngày quan sát đặc điểm ngoại hình: màu lông, rụng lông, khối lượng, màu sắc mào... để biết được các thời điểm đẻ khác thường và các hiện tượng đẻ bất thường, từ đó thay đổi thức ăn

và có chế độ cho ăn hợp lý. Quan sát kích thước trứng và vỏ trứng. Nếu vỏ trứng mỏng hoặc dễ non thì phải bổ sung thêm khoáng, can xi. Nếu trứng nhỏ hơn bình thường thì phải tăng thêm lượng thức ăn.

Loại thải gà đẻ kém: Thường xuyên loại thải những mái đẻ kém căn cứ vào đặc điểm ngoại hình, mào, mỏ, chân màu sắc không thay đổi theo thời gian đẻ; lỗ huyết khô, cử động ít; khoảng cách giữa mỏm xương lườn hái và xương háng hẹp (chỉ đặt lọt 2 ngón tay).

e) Thu nhặt trứng: Thu trứng ngày 2 lần/ngày (sáng và chiều). Đựng trứng vào khay hoặc thúng, rổ, để nơi thoáng mát. Không nên để trứng quá 7 ngày.

IV. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ THỊT TẬP TRUNG, BÁN CÔNG NGHIỆP

1. Chế độ ánh sáng

Tuần đầu có chế độ ánh sáng 24 giờ/ngày, tuần thứ 2 là 13 giờ/ngày, tuần thứ 3 trở đi là 22 giờ/ngày đêm. cường độ chiếu sáng 1 - 3 tuần tuổi đầu 3,5 - 4 W/m² nền chuồng, 4 - 5 tuần tuổi 2 W/1 m² nền chuồng, sau 5 tuần tuổi 0,2 - 0,5 W/m² nền chuồng. Những ngày trời nắng quá cần che bớt chuồng, nhưng chú ý giữ độ thông thoáng.

2. Dinh dưỡng và cho ăn

Nuôi gà thịt (Broiler) không hạn chế thức ăn, cho ăn tự do theo nhu cầu, thời gian úm gà, phải nghiền nhỏ thức ăn 1 - 1,5 mm, sau đó kích cỡ to hơn hoặc cho ăn thức ăn viên. Sau kỳ úm khi thời tiết tốt cho gà ra sân vườn, gà có thể kiếm nhặt thức ăn, chú ý cho gà ăn thức ăn đủ khẩu phần. Có thể cho gà ăn theo bữa sáng - trưa - chiều để gà ăn hết khẩu phần.

Thức ăn phối chế đa nguyên liệu, cân đối thành phần dinh dưỡng. Máng ăn, máng uống đặt rải đều trong chuồng, sàn, tính toán thuận tiện cho gà ăn, uống.

Nhu cầu dinh dưỡng: (*thực hiện theo phụ biểu số 07*).

V. KỸ THUẬT CHĂN NUÔI GÀ TRONG NÔNG HỘ

1. Giai đoạn từ 0 - 6 tuần tuổi

- Úm gà con: (thực hiện theo điểm a, khoản 1, mục I, phần III).

- Thức ăn: Tốt nhất 2 ngày đầu cho ăn ngô nghiền, không cho ăn thức ăn hỗn hợp, để gà tiêu nhanh lòng đỏ trong bụng, tránh gà bị nặng bụng kéo dài. Cho gà ăn tự do, mỗi ngày cho ăn 4 - 6 lần. Đây là phương thức nuôi phổ biến trong nông hộ. Có thể nuôi nhốt, nuôi thả vườn, nhưng phải có rào, quây, tuyệt đối không được thả rông gà. Có thể sử dụng thức ăn chế biến sẵn hoặc thức ăn phối trộn nguyên liệu tại địa phương với thức ăn đậm đặc nhưng phải đảm bảo năng lượng trao đổi 2.998 kcal và Protein là 21 %/1 kg thức ăn.

- Nước uống: Bảo đảm đủ nước uống cho gà con ngay sau khi ấp nở. Nước uống phải sạch, không nên lạnh quá (tốt nhất là nên dùng nước đun sôi để ấm). Những ngày đầu pha thêm 5 gram đường Glucoza + 1gram vitamin C/1 lít nước. Máng nước phải thường xuyên có đủ nước sạch cho gà uống tự do suốt ngày, không hạn chế. Hàng ngày thay nước 2-3 lần và mỗi lần thay nước phải cọ, rửa sạch máng.

2. Kỹ thuật chăn nuôi gà thịt từ 7 tuần tuổi đến xuất bán

Thức ăn: Sử dụng các nguyên liệu thức ăn sẵn có tại địa phương, các phụ phẩm nông nghiệp cung cấp chất bột, đường, đạm. Tăng cường sử dụng thức ăn công nghiệp vào chăn nuôi nông hộ để tăng năng suất, hiệu quả chăn nuôi.

Sử dụng diện tích ruộng 1 vụ lúa, diện tích cây vụ đông trên chân ruộng 2 vụ lúa, soi bãi màu đôi trồng cây thức ăn chăn nuôi gia cầm (ngô, đậu tương...).

Cách cho ăn: Cho gà ăn kết hợp với khả năng tự kiếm mồi để giảm chi phí. Vào các buổi sáng nếu trời không mưa và ấm áp thì thả gà ra vườn để tự kiếm mồi. Gần trưa cho gà ăn thêm thức ăn. Buổi chiều cho gà ăn no trước khi vào chuồng.

Giai đoạn này khẩu phần thức ăn đảm bảo: Năng lượng trao đổi tối thiểu: 2.890 Kcal/kg; Đạm tối thiểu 17,5 %; Mỡ: 5,2 %; chất xơ: 6,0 %; Can xi: 1,03 %, Phốt pho toàn phần: 0,72 %; Phốt pho hấp thu: 0,52 %.

3. Giai đoạn hậu bị, gà dò

Kỹ thuật nuôi gà hậu bị, gà dò trong nông hộ: *thực hiện theo khoản 2 - mục III - Phần III.*

4. Giai đoạn sinh sản.

Áp dụng khẩu phần ăn cho gà đẻ ngay khi chuyển gà lên chuồng đẻ, thức ăn phải đảm bảo chất lượng, hàm lượng dinh dưỡng cao. Nhu cầu protein và các axit amin giai đoạn này cần đảm bảo tỷ lệ protein là 17,5-18%/kg thức ăn; năng lượng trao đổi 2750 kcal. Nhu cầu về can xi tăng theo tuổi của gà và tỷ lệ đẻ. Ở giai đoạn này tỷ lệ can xi cần 3,8-3,85%/kg thức ăn; Phốt pho 0,60-0,65%/kg thức ăn; Lyzin 0,84-0,95%/kg thức ăn.

Chỉ phối trộn thức ăn cho gà khi có đủ nguyên liệu. Trộn đều cho gà ăn vào buổi trưa và buổi chiều (trước khi vào chuồng). Nếu được ăn như vậy gà đẻ nhiều và ấp nở tốt. Nên cho gà ăn thêm thóc mầm, bột vỏ trứng, bã cua... Tự tạo thức ăn đậm động vật bằng cách nuôi giun hoặc tự chế biến bột cá. Những ngày nắng nóng cần chú ý cho gà ăn sớm và cung cấp nước uống đầy đủ.

Chuẩn bị ổ đẻ trong chuồng cho gà. Hàng ngày quan sát đặc điểm ngoại hình: màu lông, rụng lông, khối lượng, màu sắc mào... để biết được các thời điểm đẻ khác thường và các hiện tượng đẻ bất thường, từ đó thay đổi thức ăn và có chế độ cho ăn hợp lý. Quan sát kích thước trứng và vỏ trứng. Nếu vỏ trứng mỏng hoặc đẻ non thì phải bổ sung thêm khoáng can xi. Nếu trứng nhỏ hơn bình thường thì phải tăng thêm lượng thức ăn. Đựng trứng vào khay hoặc thúng, rổ, để nơi thoáng mát. Không nên để trứng quá 7 ngày. Thu trứng 2 lần/ngày (sáng và chiều). Có sổ sách ghi chép hàng ngày các số liệu thức ăn, thuốc thú y, số trứng đẻ, gà chết ... để tính toán hiệu quả chăn nuôi.

Đối với mái nuôi con nên tách gà con sau 4 - 5 tuần (tùy thời tiết) để gà mẹ sớm đẻ lại. Gà mái ít con nên ghép ổ đẻ tăng hiệu quả chăn nuôi.

* Nhu cầu dinh dưỡng và công thức phối trộn khẩu phần ăn của gà nuôi trong nông hộ ở các giai đoạn tuổi (*Phụ biểu 08*).

PHẦN IV. PHÒNG BỆNH CHO GÀ

Gà rất dễ mắc các loại bệnh truyền nhiễm nguy hiểm gây chết nhanh hàng loạt như: Bệnh Gumboro, Niu cát sơn (gà rù), bệnh Tụ huyết trùng (gà toi), Cầu trùng, bệnh viêm đường hô hấp truyền nhiễm... Vì vậy phải thực hiện đúng các biện pháp phòng bệnh cho đàn gà theo hướng dẫn của cơ quan thú y. *to*

Sử dụng vắc xin phòng một số bệnh cho gà theo lịch như sau:

Tuổi	Vắc xin và thuốc phòng bệnh	Cách sử dụng
1-4 ngày tuổi	Thuốc bổ như vitamin B1, B Complex	Cho gà con uống
5 ngày tuổi	Vắc xin Gumboro để phòng bệnh Gumboro (lần 1)	Nhỏ vào mắt, mũi
7 ngày tuổi	- Vắc xin Lasota (lần 1) - Vắc xin đậu gà	Nhỏ vào mắt, mũi Chủng vào màng cánh
10 ngày tuổi	Vắc xin Cúm gia cầm (lần 1)	Tiêm dưới da cổ
15 ngày tuổi	Vắc xin Gumboro để phòng bệnh Gumboro (lần 2)	Nhỏ vào mắt, mũi
25 ngày tuổi	- Vắc xin Lasota lần 2 → <i>phòng bệnh Niu cat xơ hệ</i> - Kết hợp phòng bệnh đường ruột bằng kháng sinh theo liều hướng dẫn	Nhỏ vào mắt, mũi Trộn vào thức ăn tinh
40 ngày tuổi	Vắc xin Cúm gia cầm (lần 2)	Tiêm dưới da cổ
2 tháng tuổi	- Vắc xin Niu cat xơ hệ 1 - Vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng	Tiêm dưới da
4,5 tháng tuổi	- Vắc xin Niu cat xơ hệ 1 - Vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng	Tiêm dưới da
	Vắc xin Đậu gà	Chủng vào màng cánh
6 tháng tuổi	Vắc xin cúm gia cầm	Tiêm vào lườn hoặc dưới da cổ
8 tháng tuổi	- Vắc xin Niu cat xơ hệ 1 - Vắc xin phòng bệnh Tụ huyết trùng	Tiêm dưới da
Sau đó cứ 4 tháng tiêm nhắc lại vắc xin Niu cat xơ hệ 1 và vắc xin Tụ huyết trùng, sau 5 tháng tiêm nhắc lại vắc xin cúm gia cầm.		

Trên đây là hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi gà. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì cần chỉnh sửa, bổ sung, đề nghị các đơn vị tham gia ý kiến gửi Sở Nông nghiệp và PTNT để chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp./. ☺

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận: *H*

- Phòng NN và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thị xã;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CN.



Đặng Thị Mai

Phụ biểu 01. Nhu cầu dinh dưỡng thức ăn gà con (0 - 6 tuần tuổi) và gà hậu bị (7 - 19 tuần tuổi) giống thịt chăn nuôi tập trung, công nghiệp

Thành phần dinh dưỡng thức ăn (kg hay %)	Đơn vị tính	Gà con 0 - 6 tuần tuổi	Gà dò - 7 - 19 tuần tuổi
- Năng lượng trao đổi	Kcal/kg	2800 - 2900	2700 - 2850
- Protein	(%)	18 - 20	15 - 16
- Mỡ thô	(%)	3,0	3,0
- Xơ thô	(%)	3 - 5	3 - 5
- Canxi	(%)	0,9 - 1,0	0,9 - 1,0
- Photpho tiêu hoá	(%)	0,45 - 0,5	0,45 - 0,5
- Muối ăn	(%)	0,45 - 0,5	0,45 - 0,5
- Lizin	(%)	0,95 - 1,00	0,75 - 0,85
- Methionin	(%)	0,35 - 0,36	0,30 - 0,35
- Methionin + Xystin	(%)	0,69 - 0,74	0,6 - 0,62
- Tryptophan	(%)	0,18 - 0,19	0,16 - 0,17

Phụ biểu 02. Một số công thức thức ăn hỗn hợp cho gà thịt Broiler nuôi tập trung công nghiệp

Tên nguyên liệu thức ăn (kg hay %)	Khởi động 0 - 2 tuần tuổi		Tăng trưởng 3 - 5 tuần tuổi		Kết thúc sau 6 tuần tuổi	
	CT 1.1	CT 1.2	CT 2.1	CT 2.2	CT 3.1	CT 3.2
- Ngô đỏ hoặc vàng	51,90	46,13	61,60	50,20	66,00	55,56
- Cám gạo tốt	-	15,00	-	15,00	-	10,00
- Sắn nghiền	-	-	-	-	-	10,00
- Khô dầu đậu tương hoặc khô dầu lạc	25	19,00	17,00	16,00	20,3	14,00
- Đậu tương rang	10,00	10,00	10,00	10,00	5,00	2,00
- Bột cá >50% Protein thô	10,00	6,00	8,00	5,00	6,00	4,00
- Bột xương hoặc dicanxiphotphat	2,250	3,00	2,70	3,00	2,00	3,00
- L-Lizin	-	0,10	-	0,10	-	0,10
- DL-Methionin	0,05	0,07	0,05	0,07	0,05	0,07
- Premix VTM + khoáng	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
- Muối ăn	0,10	0,20	0,15	0,20	0,20	0,20
- Tổng cộng kg hoặc %	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Thành phần dinh dưỡng						
- NLTĐ (Kcal/kg TĂ)	3000	2900	3100	2931	3200	3150
- Protein thô (%)	24,1	21,5	21,8	19,4	18,5	17,5
- Canxi (%)	1,2	1,3	1,15	1,29	1,00	0,94
- Photpho tiêu hoá (%)	0,55	0,55	0,55	0,55	0,55	0,55
- Lizin (%)	1,26	1,30	1,20	1,10	0,90	0,95
- Methionin (%)	0,43	0,44	0,41	0,41	0,32	0,37
Tỷ lệ NL/protein	124	135	142	151	173	180

**Phụ biểu 03. Nhu cầu dinh dưỡng cho gà sinh sản
và thương phẩm hướng trứng nuôi tập trung, công nghiệp**

Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Gà con 0 - 6 tuần tuổi	Gà dò 7 - 19 tuần tuổi	Gà đẻ 19 - 72 tuần tuổi
- Năng lượng trao đổi	Kcal/kg	2800 - 2900	2800	2800 - 2850
- Protein thô không quá	(%)	19 - 20	15 - 16	17 - 18
- Mỡ thô	(%)	3	2,5	3
- Xơ thô	(%)	5	5	5
- Canxi	(%)	1,0	1,0	3,5 - 4,0
- Photpho hấp thụ	(%)	0,45 - 0,5	0,45 - 0,5	0,45 - 0,5
- Muối ăn không quá	(%)	0,4	0,4	0,4
- Lizin	(%)	1,00	0,7	0,75
- Methionin	(%)	0,4	0,34	0,35
- Methionin + Xystin	(%)	0,8	0,60	0,65
- Tryptophan	(%)	0,18	0,16	0,16
- Vitamin + Khoáng				

**Phụ biểu 04. Nhu cầu dinh dưỡng
cho gà các giai đoạn tuổi nuôi tập trung bán công nghiệp**

Chỉ tiêu	0-3 tuần tuổi	4-6 tuần tuổi
- ME (kcal/kg)	2900	2850
- Protein (%)	21,0	19,0
- Canxi (%)	1,02 - 1,05	1,00 - 1,02
- Photpho (%)	0,5 - 0,55	0,45 - 0,50
- Lizin (%)	1,00 - 1,10	0,90 - 1,00
- Methionin (%)	0,4 - 0,45	0,35 - 0,40
Bổ sung Vitamin và khoáng vi lượng		

**Phụ biểu 05. Định mức thức ăn cho gà con
nuôi tập trung bán công nghiệp trong một ngày đêm**

Đơn vị tính: gam/con/ngày

Tuần tuổi	Gà trống		Gà mái	
	KLCT bình quân	Thức ăn/ngày	KLCT bình quân	Thức ăn/ngày
1	100	Ăn tự do	90	Ăn tự do
2	270	Ăn tự do	190	Ăn tự do
3	410	Ăn tự do	320	Ăn tự do
4	605	44	410	42
5	740	48	510	46
6	860	54	600	50

**Phụ biểu 06. Nhu cầu dinh dưỡng thức ăn gà dò, hậu bị
chăn nuôi tập trung bán công nghiệp**

Chỉ tiêu	7 - 13 tuần tuổi	14 - 21 tuần tuổi	22 - 25 tuần tuổi
- ME (kcal/kg)	2750	2750	2750
- Protein (%)	16	14,5	16,5
- Canxi (%)	0,95 - 0,975	0,96 - 1,00	2,70 - 2,75
- Photpho (%)	0,5 - 0,6	0,5 - 0,6	0,5 - 0,6
- Lizin (%)	0,8 - 0,85	0,70 - 0,75	0,75 - 0,80
- Methionin (%)	0,30 - 0,35	0,30 - 0,33	0,35 - 0,38
- VTM bổ sung+khoáng vi lượng	20	6	12

**Phụ biểu 07. Nhu cầu dinh dưỡng thức ăn
gà lông màu nuôi thịt bán công nghiệp xuất chuồng (11 - 12 tuần tuổi)**

Thành phần dinh dưỡng	Thức ăn khởi động (0 - 8 ngày tuổi)	Thức ăn tăng trưởng (28 - 70 ngày tuổi)	Thức ăn gà thịt 80 ngày - đến mổ thịt
- ME (kcal/kg)	2850 - 2950	2750	2750
- Protein thô (%)	21 - 23	17 - 18	16 - 18
- Lipit thô (%)	3 - 3,5	3 - 3,5	3 - 3,5
- Xơ thô (%)	3,5 - 4	3,5 - 4	3,5 - 4
- Canxi (%)	1,05 - 1,10	0,9 - 1,0	0,8 - 0,9
- Photpho tổng số (%)	0,7 - 0,75	0,65 - 0,70	0,6 - 0,65
- Photpho tiêu hoá (%)	0,4 - 0,45	0,35 - 0,40	0,3 - 0,35
- Lysin (%)	1,1 - 1,2	1 - 1,1	0,8 - 0,9
- Methionin (%)	>0,5	>0,45	>0,45
- Methionin + Cystin (%)	>0,85	>0,80	>0,75

**Phụ biểu 08. Nhu cầu dinh dưỡng
và công thức ăn phối trộn thức ăn cho gà nuôi trong nông hộ**

Các chất dinh dưỡng	Gà con (%)	Gà dò (%)	Gà đẻ (%)
- Protein	21	17,5	18
- Lipit	4,5	5,2	4,73
- Chất xơ	4,6	6	5,19
- Can xi	1,15	1,03	3,85
- Phốt pho toàn phần	0,71	0,72	0,73
- Phốt pho hấp thu	0,5	0,52	0,53
- Năng lượng trao đổi (Kcal/kg)	2.998	2.890	2.750
Công thức phối trộn thức ăn			
Nguyên liệu	Thức ăn gà con (%)	Thức ăn gà dò (%)	Thức ăn gà đẻ (%)
- Ngô nghiền	45	40	38
- Cám gạo loại 1	5	10	10
- Gạo lứt	10	15	10
- Khô dầu lạc nhân	17	10	8
- Khô dầu lạc vỏ (20% vỏ)	12	16	17
- Bột cá tốt (45 - 50% đạm)	8	6	7
- Bột xương	2	2,5	2,5
- Bột đá, bột vỏ sò hén	0,5		7
- Primix vitamin - khoáng	0,5	0,5	0,5
Tổng	100	100	100